

Bản án số: 102/ 2019/HS-ST
Ngày 01 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thân Thị Quyên.
2. Ông Cáp Trọng Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lý Đình Kiêm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2019/TLST-HS, ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN Đ**, sinh ngày: 15/5/1987, tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Nơi thường trú: Xóm P, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Chí H, sinh năm: 1952 và bà: Cao Thị T, sinh năm: 1956; Có vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2019 đến nay, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Họ và tên: **NGUYỄN DẠ H**, sinh ngày: 23/01/1989, tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi thường trú: Tổ 24, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1964 và bà: Vũ Thị L, sinh năm: 1963; Có chồng Đặng Quốc A, sinh năm 1986 (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2011 (Đã chết), con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn (Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú). Hiện tại ngoại.

(Có mặt)

- **Bị hại:** Công ty TNHH N.

Địa chỉ: Lô CN 4, Khu công nghiệp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Han Sang D – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Tạ Khắc T, sinh năm 1984 – Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh, xuất nhập khẩu, quản lý kho thành phẩm.

(Có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đoàn Trọng H1, sinh năm 1992

Trú tại: Số 262 L, Tổ dân phố A, phường Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị N. Sinh năm: 1999.

Trú tại: Xóm C, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Anh Ma Khánh T. Sinh năm: 1992.

Trú tại: Xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Chị Dương Thị V. Sinh năm: 1988.

Trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Dạ H đều là công nhân tại Công ty N thuộc xóm Bình 1, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên chuyên sản xuất, lắp ráp màn hình điện thoại di động Samsung. Do có nợ tiền nhiều người nên Đ đã bàn với Nguyễn Dạ H (Đ và H có quan hệ tình cảm với nhau) nhờ H giúp mình thực hiện hành vi trộm cắp các màn hình điện thoại di động. Sau khi bàn bạc thống nhất với nhau xong, khoảng 23 giờ 45 phút ngày 07/01/2019 H đến bộ phận sản xuất của công ty N gặp Nguyễn Thị N là công nhân của công ty N để nhận 60 màn hình điện thoại di động loại Samsung J810, quá trình nhập số màn hình này có lập phiếu giao nhận theo quy định của công ty. Sau khi nhận màn hình, H cho vào 07 khay nhựa để trên xe đẩy hàng tại vị trí cuối dây chuyền 5 - 6. Đ đến và bê số màn hình này di chuyển đến vị trí cuối dây chuyền số 21 - 22 và giấu số màn hình này dưới gầm bàn rồi lấy xe đẩy xe vào vị trí cất giấu. Sau đó Đ chui vào gầm bàn dồn 56 chiếc màn hình vào 02 hộp giấy, mỗi hộp 28 chiếc màn hình, còn lại 04 màn hình Đ cho vào ốp điện thoại di động của Đ. Sau khi cho các màn hình vào hộp và ốp, Đ cầm các hộp và ốp chứa màn hình đi ra ngoài xưởng. Khi đi qua cửa từ thì cửa từ có báo động, lúc này Đ giơ tay lên để bảo vệ kiểm tra người Đ nhưng không phát hiện cất giấu vật gì trong người. Tuy nhiên lực lượng bảo vệ không kiểm tra các hộp giấy và ốp điện thoại Đ cầm trên tay nên không phát hiện thấy các màn hình điện thoại mà Đ đã cất giấu ở trong đó, do vậy Đ đã đi qua được cửa ra vào. Sau khi ra khỏi cửa, Đ đem toàn bộ số màn hình này đến nhà để xe của công ty cất giấu toàn bộ số màn hình này trong cốp xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha của H rồi quay vào công ty tiếp tục làm việc. Đến khoảng 06h ngày 08/01/2019, sau khi hết giờ làm việc, Đ ra nhà để xe lấy xe mô tô của H bên trong cất giấu các màn hình điện thoại nêu trên đi đến cửa hàng điện thoại “M” tại đây Đ đã thỏa thuận bán cho Đoàn Trọng H1 toàn bộ 60 màn hình điện thoại với giá là 550.000 đồng /01 màn hình, tổng số tiền bán 60 màn hình là 33.000.000 đồng. Sau đó Đ mua lại của H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 với giá 400.000 đồng, mua sim thẻ điện thoại giá 200.000 đồng, trừ số tiền Đ đã mua điện thoại và thẻ sim thì H1 trả cho Đ số tiền là 32.400.000 đồng. Số tiền có được do bán màn hình theo Đ khai đã mang đi trả nợ cho Trương Ngọc H hết 32.000.000 đồng, số tiền còn lại 400.000 đồng Đ tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất số tài sản trên, Đại diện công ty N đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Phú Bình để giải quyết theo quy định.

Tại kết luận định giá số 05/KL-ĐG ngày 04/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Phú Bình kết luận: 60 (sáu mươi) cụm màn hình điện thoại loại J810, có thông số kỹ thuật: GH97-22079^a ASSY OLED-6.0” HD +J810F BLACK WO LO AG có giá trị là 62.340.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Dạ H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 101/CT-VKSPB, ngày 20/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Dạ H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Dạ H phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt chính:

- Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Nguyễn Văn Đ từ 30 đến 36 tháng tù.

- Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt, Nguyễn Dạ H từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH N, người đại diện theo ủy quyền là anh Tạ Khắc T tại phiên tòa yêu cầu hai bị cáo Đ và H bồi thường cho công ty số tiền là 32.000.000 đồng. Hai bị cáo nhất trí bồi thường nên ghi nhận sự thỏa thuận này giữa các bị cáo và đại diện theo ủy quyền của bị hại.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, số imel 19165, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Đ là tài sản do phạm tội mà có.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 chứng minh nhân dân số 001087009221 mang tên Nguyễn Văn Đ.

Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo Đ phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, đại diện bị hại đều không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời sau cùng, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Dạ H đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo và bị cáo H xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản sự việc, kết quả định giá tài sản và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 07/01/2019, tại công ty N thuộc xóm Bình 1, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Dạ H cùng nhau đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 60 màn hình điện thoại loại J810, thông số kỹ thuật: GH97-22079A ASSY OLED-6.0” HD +J810F BLACK WO LO AG có giá trị là 62.340.000 đồng. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên, Nguyễn Văn Đ đã đem đi tiêu thụ được số tiền 33.000.000 đồng, số tiền trên Đ đã đem đi trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Còn H không được Đ chia cho khoản tiền nào.

Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Dạ H đều phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a. ...

c. Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.,,

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xác định:

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, khung hình phạt mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm thuộc trường hợp là tội phạm nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức rõ việc xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi thực hiện tội phạm của mình; đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo Đ, H đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Dạ H đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000đ vào ngày 26/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình để bồi thường một phần thiệt hại cho phía bị hại nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đ, H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội do từng bị cáo gây ra. Trong đó, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Đ là người giữ vai trò chính, khởi xướng và rủ rê bị cáo H cùng thực hiện tội phạm và là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, do đó cần lên một mức hình phạt tương ứng với 30 tháng tù đối với bị cáo Đ và áp dụng biện pháp cải tạo cách ly ra khỏi xã hội đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo H, Hội đồng xét xử thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, thứ yếu trong vụ án, do đó Hội đồng xét xử có thể xử bị cáo ở mức án 24 tháng tù. Đồng thời, Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết cách ly bị cáo mà có thể cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục là cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta. Hội đồng xét xử cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) (Thấp hơn so với kết luận định giá tài sản vì công ty đã xem xét đến công sức đóng góp của các bị cáo nên chỉ đề nghị bồi thường số tiền trên), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí yêu cầu bồi thường nêu trên của đại diện bị hại. Trong đó, bị cáo Đ tự nguyện nhận bồi thường 31.000.000đ (bị cáo chưa bồi thường), bị cáo H nhận bồi thường 1.000.000đ (Bị cáo đã bồi thường trước khi xét xử). Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định tại Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 585, 586, 587, 589, 357 của Bộ luật dân sự, do đó cần được ghi nhận.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền (Bị cáo Đ) thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

[6]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, số imel 19165, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Đ là tài sản do phạm tội mà có.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 chứng minh nhân dân số 001087009221 mang tên Nguyễn Văn Đ, vì không liên quan đến tội phạm.

[7]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp với quy định của Pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Đ và H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Riêng bị cáo Đ phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền chưa bồi thường nhằm sung quỹ nhà nước. Bị cáo H không phải chịu án phí dân sự do đã tự nguyện bồi thường trước khi xét xử, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Thông báo cho các bị cáo; Bị hại hoặc đại diện của bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Dạ H đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ pháp luật áp dụng:

- Điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

- Điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Dạ H.

Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 585, 586, 587, 589, 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt chính: Xử phạt

Nguyễn Văn Đ **30** (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Nguyễn Dạ H **24** (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 01 tháng 8 năm 2019).

Giao bị cáo Nguyễn Dạ H cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo Nguyễn Dạ H) cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa đại diện của bị hại (Công ty TNHH TNHH N. Địa chỉ: Lô CN 4, Khu công nghiệp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên), đại diện theo pháp luật: Ông Han Sang D, đại diện theo ủy quyền: Anh Tạ Khắc T và các bị cáo về mức bồi thường toàn bộ thiệt hại là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Trong đó:

- Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm bồi thường 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng).

- Nguyễn Dạ H có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), được khấu trừ vào khoản tiền 1.000.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0010636 ngày 22/7/2019, Hội đồng xét xử xác định bị cáo H đã bồi thường xong.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền (là bị cáo Nguyễn Văn Đ) thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, số imel 19165, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Đ là tài sản do phạm tội mà có.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (Một) chứng minh nhân dân số 001087009221 mang tên Nguyễn Văn Đ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2019 giữa Công an huyện Phú Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình)

6. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Dạ H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, phần mỗi bị cáo phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

Về án phí dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo (Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Dạ H); Có mặt bị hại (Đại diện theo ủy quyền là anh Tạ Khắc T). Báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đoàn Trọng H1). Báo cho anh H1 biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Các bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên